TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Bản án số: **26**/2021/DS - ST*
Ngày: 28/01/2021
V/v: "Chia tài sản chung" và "Chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Ngô Thị Yêm.
2. Ông Dương Xuân Đính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hoài - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2020/TLST - DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "Chia tài sản chung" và "Chia di sản thừa kế", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXX - ST ngày 30 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01 ngày 12/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà ***Ngô Thị B***, sinh năm 1947.
Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Tập thể đội xếp dỡ Ga C, thôn T, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh ***Lê Văn N***, sinh năm 1982 (con ông M bà B).
Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Tập thể đội xếp dỡ Ga C, thôn T, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị ***Lê Thị M***, sinh năm 1970 (con ông M bà T)
Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ 44 thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Anh ***Lê Văn Th1***, sinh năm 1969 (con ông M bà T)
Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã Việt H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Anh ***Lê Văn Th2***, sinh năm 1974 (con ông M bà T)

- Anh ***Lê Văn T***, sinh năm 1972 (con ông M bà B)
- Anh ***Lê Văn L***, sinh năm 1972 (con ông M bà B)
- Chị ***Cù Thị H***, sinh năm 1981 (vợ anh N)
- Cháu ***Lê Ngọc A***, sinh ngày 04/04/2005 (con anh N chị H)
- Cháu ***Lê Bảo Đ***, sinh ngày 03/10/2009 (con anh N chị H)
- Cháu **Lê An Nhi**, sinh ngày 29/11/2019 (con anh N chị H)

Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Tập thể đội xếp dỡ Ga C, thôn T, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Bà B, anh N, anh T.

Vắng mặt: Anh Thụy, anh Thoán, chị Mây, anh Lợi, chị Hoàn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quan điểm của nguyên đơn: Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa Cụ Ngô Thị B trình bày như sau:

Về quan hệ gia đình: Tôi và ông Lê Văn M (sinh năm 1943, chết năm 2015) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết tại Uỷ ban nhân dân xã V ngày 26/5/1978, quá trình chung sống vợ chồng sinh được 03 người con chung là: Lê Văn T, Lê Văn L và Lê Văn N.

Trước khi kết hôn với tôi, ông Lê Văn M đã kết hôn với bà Vũ Thị T (sinh năm 1947(chết năm 1977) và sinh được 03 người con chung là: Lê Văn Th1, Lê Văn Th2 và Lê Thị M. Sau khi bà T chết, ông M kết hôn với tôi và đưa cả 03 người con chung của ông M bà T về sinh sống với tôi tại tập thể Đội xếp dỡ Ga C, do tôi và ông M đều là công nhân của Đội xếp dỡ Ga C nên đã được cấp 01 gian tập thể có diện tích là 37m2 để ở. Vợ chồng chung sống nuôi dạy 06 người con đến năm 1986 thì vợ chồng tôi mua thêm 01 gian nhà tập thể liền kề cũng có diện tích 37m2 và thửa đất giãn dân của Uỷ ban nhân dân xã V chính là thửa đất hiện nay tôi và gia đình anh N quản lý sử dụng, năm 1987 vợ chồng tôi tiến hành xây dựng ngôi nhà đổ trần, qua nhiều lần sửa chữa tôn tạo như hiện trạng hiện nay, chúng tôi sinh sống trên nhà đất này từ năm 1987 đến nay. Đến tuổi trưởng thành thì các con lần lượt lập gia đình và chuyển ra ăn ở riêng, hiện nay trên nhà đất trên chỉ còn vợ chồng con cái anh N sống chung cùng với tôi.

- Về di sản thừa kế của ông M và bà T: Ông M và bà T chung sống với nhau tại quê nhà và có tài sản chung là Phần đất tổ tiên để lại khoảng hơn 500m2 đất ở và khoảng 300m2 đất vườn liền kề, tổng cộng khoảng hơn 800m2 có địa chỉ tại thôn La B, xã K, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Sau khi ông M chết thì toàn thể gia đình chúng tôi đã thống nhất phân chia di sản thừa kế của ông M và bà T để lại đối với phần di sản này, theo đó thì anh Lê Văn Th1 là con trưởng được hưởng toàn bộ nhà, đất trên phần diện tích này. Năm 2019 anh Lê Văn Th1 đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hơn 800m2 đất nêu trên. Gia đình đã thống nhất và không ai có ý kiến gì nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần di sản này;

- Về tài sản là nhà đất của vợ chồng tôi và ông M: Qúa trình chung sống vợ chồng tôi có tạo lập được khối tài sản chung là:

+ 02 gian tập thể mỗi gian 37m2 trong đó 01 gian được Tập thể chia, 01 gian vợ chồng tôi mua được (có giấy tờ mua bán) và phần đất lưu không 35m2. Phần tài sản này khi ông M còn sống thì vợ chồng tôi cùng toàn thể các con (06 người con) đã thống nhất thỏa thuận và nhất trí chia cho anh Lê Văn T, anh Lê Văn L và Lê Văn Th2. Gia đình đã nhất trí không ai có ý kiến gì nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 36, diện tích 204m2 có địa chỉ tại Thôn T, xã V đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 692460 ngày 31/8/2005 mang tên Ngô Thị B, là phần tài sản vợ chồng tôi mua được từ năm 1986. Trên đất có căn nhà 01 tầng 01 tum, có diện tích là 48m2 là tài sản chung của tôi và ông M, các con chung của tôi với ông M cũng như con riêng của ông M không ai có công đóng góp.

Hiện nay trên nhà đất này chỉ có tôi và vợ chồng cùng các con của anh Lê Văn N đang ở. Ngoài ra trên đất còn có khu bếp và khu vệ sinh cũng như sân gạch đỏ làm năm 2019 là tài sản do vợ chồng anh N xây dựng.

Tôi khẳng định ngoài tài sản yêu cầu chia thừa kế nêu trên thì ông Lê Văn M không còn di sản nào khác chưa chia.

Nay tôi đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng và chia thừa kế theo pháp luật đối với phần tài sản là quyền sử dụng 204m2 đất ở và giá trị của căn nhà 01 tầng 01 tum được xây dựng năm 1987 đã được sửa lại năm 2019 cho các đồng thừa kế của ông Lê Văn M, tôi xin được nhận bằng hiện vật và tự nguyện tặng cho con trai tôi là anh Lê Văn N toàn quyền sử dụng và sở hữu tài sản trên đất đối với toàn bộ phần tài sản riêng của tôi trong khối tài sản chung của tôi với ông Lê Văn M, cũng như kỷ phần thừa kế mà tôi được hưởng.

***Quan điểm của bị đơn là anh Lê Văn N trình bày*:**

- Anh Lê Văn N có lời khai và nhất trí với phần trình bầy của bà Ngô Thị B về hàng thừa kế, diện thừa kế. Ngoài 03 con riêng và 03 con chung với bà B, thì ông Lê Văn M không còn con chung, con riêng và con nuôi nào khác. Và cùng nhất trí với ý kiến của bà B về nguồn gốc thửa đất xin chia tài sản chung và chia thừa kế. Anh Lê Văn N cũng xác định ngoài tài sản yêu cầu chia nêu trên thì ông M không còn di sản nào khác.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh N nhất trí với ý kiến của nguyên đơn, đồng ý đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng của ông M và bà B, đối với phần tài sản là quyền sử dụng 204m2 đất ở và tài sản gắn liền với đất cho các đồng thừa kế, và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Lê Văn M để lại và xin được nhận bằng hiện vật để lấy chỗ ở.

- Về ý kiến của bà B, anh Th2, anh T, anh L và chị M là tặng cho tôi phần tài sản được hưởng khi chia thừa kế thì tôi nhất trí;

Anh Lê Văn N cũng xác định ngoài tài sản yêu cầu chia thừa kế nêu trên thì ông Lê Văn M không còn di sản nào khác chưa chia.

***Quan điểm của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

1. Anh Lê Văn T, anh Lê Văn L, anh Lê Văn Th2 và chị Lê Thị M cùng có lời khai và nhất trí với phần trình bầy của bà B về hàng thừa kế, diện thừa kế, ngoài 03 con chung và 03 con riêng thì ông Lê Văn M không còn con chung, con riêng và con nuôi nào khác. Và cùng nhất trí với ý kiến của bà Ngô Thị B về nguồn gốc thửa đất xin chia tài sản chung và chia thừa kế.

Anh Lê Văn T, anh Lê Văn L, anh Lê Văn Th2và chị Lê Thị M cùng xác định ngoài tài sản yêu cầu chia thừa kế nêu trên thì ông Lê Văn M không còn di sản nào khác chưa chia.

Anh Lê Văn T, anh Lê Văn L, anh Lê Văn Th2 và chị Lê Thị M cũng nhất trí yêu cầu chi di sản thừa kế theo đơn khởi kiện của bà B và xin được hưởng bằng hiện vật và cùng thống nhất phần di sản được hưởng thì cũng tặng cho anh Lê Văn N.

2. Anh Lê Văn Th1 có ý kiến:

Nhất trí với phần trình bầy của bà B về hàng thừa kế, diện thừa kế, ngoài 03 con chung và 03 con riêng thì ông Lê Văn M không còn con chung, con riêng và con nuôi nào khác.

Anh Lê Văn Th1 nhất trí với ý kiến của bà B về nguồn gốc thửa đất xin chia tài sản chung của ông Lê Văn M với bà Ngô Thị B và cũng xác định ngoài tài sản yêu cầu chia thừa kế nêu trên thì ông Lê Văn M không còn di sản nào khác chưa chia.

Anh Lê Văn Th1 nhất trí yêu cầu chi di sản thừa kế của ông Lê Văn M theo quy định của pháp luật theo đơn khởi kiện của bà B và xin được hưởng bằng hiện vật để lấy chỗ ở.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của người tham gia tố tụng, của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B về việc chia tài sản chung của bà Ngô Thị B và ông Lê Văn M và chia di sản thừa kế của ông Lê Văn M là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 36, diện tích 204m2 có địa chỉ tại thôn T, xã V đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 692460 ngày 31/8/2005 mang tên Ngô Thị B;

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Ngô Thị B về việc tặng cho anh Lê Văn N toàn quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với toàn bộ

phần tài sản riêng của mình trong khối tài sản chung với ông Lê Văn M, cũng như kỷ phần thừa kế mà bà Ngô Thị B được hưởng.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Lê Văn Th2, anh Lê Văn T, anh Lê Văn L, chị Lê Thị M về việc tặng cho anh Lê Văn N phần di sản được hưởng thừa kế của ông Lê Văn M.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn Th1 về việc được hưởng kỷ phần di sản thừa kế bằng hiện vật và buộc anh Lê Văn N có trách nhiệm thanh toán cho anh Lê Văn Th1 kỷ phần thừa kế bằng tiền VNĐ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật***:

Bà Ngô Thị B khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế và chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 50 tờ bản đồ số 36, diện tích 204m2 có địa chỉ tại thôn T, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 692460 ngày 31/8/2005 mang tên Ngô Thị B.

Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ Luật Dân sự và khoản 2 Điều 66 Luật hôn nhân và Gia đình.

Về tư cách người tham gia tố tụng:

Chị Phạm Thị H, sinh năm 1972 (vợ anh Lê VănTh1); Cháu Lê Thị Vân A, sinh ngày 15/8/2003 và cháu Lê Văn C, sinh ngày 23/11/2006 (con anh Th1, chị Phạm Thị H);

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1975 (vợ anh Lê Văn Th2); Cháu Lê Minh T, sinh ngày 26/10/2004 và cháu Lê Minh A, sinh ngày 03/01/2010 (con anh Th2 chị Nguyễn Thị N)

Tất cả những người có tên nêu trên, cùng có Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay tại: thôn T, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Tuy trước đây có cùng hộ khẩu với bà Ngô Thị B, tuy nhiên hiện nay đã tách sổ hộ khẩu và cùng không sinh sống trên thửa đất đang tranh chấp, không có công sức đóng góp và trông nom, duy trì, tôn tạo di sản. Mặt khác họ cũng không phải là hàng thừa kế thứ nhất của người để lại di sản. Do vậy Hội đồng xét xử xác định họ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[2] ***Về việc xét xử vắng mặt đương sự:***

Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Anh Lê Văn Th2 Lê Văn L, chị Lê Thị M và chị Cù Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Văn Th1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] ***Xét yêu cầu của nguyên đơn***:

[3.1] Về hàng thừa kế:

Ông Lê Văn i và bà Vũ Thị T sinh năm 1947, chết năm 1977 có 03 con chung là Lê Văn Th1, sinh năm 1969; Lê Thị M, sinh năm 1970 và Lê Văn Th2, sinh năm 1977.

Ông Lê Văn M và bà Ngô Thị B kết hôn năm 1978 có 03 con chung là Lê Văn T , sinh năm 1972; Lê Văn L, sinh năm 1972; Lê Văn N, sinh năm 1982.

Ngoài 06 người con nêu trên thì Ông Lê Văn M, bà Vũ Thị T và bà Ngô Thị B không còn con chung, con riêng và con nuôi nào khác. Bà Vũ Thị T chết năm 1977, ông Lê Văn M chết năm 2015, như vậy hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn M gồm: bà Ngô Thị B, anh Lê Văn Th1, anh Lê Văn Th2, chị Lê Thị M, anh Lê Văn T, anh Lê Văn L và anh Lê Văn N.

[3.2] Về tài sản chung chưa chia và di sản thừa kế: Ông Lê Văn M và bà Ngô Thị B có tạo lập được khối tài sản chung gồm:

+ 02 gian tập thể mỗi gian 37m2 trong đó 01 gian được Tập thể chia, 01 gian vợ chồng ông M và bà B mua (có giấy tờ mua bán) và phần đất lưu không 35m2. Phần tài sản này khi ông M còn sống thì vợ chồng ông M và bà B cùng toàn thể 06 người con đã thống nhất thỏa thuận và nhất trí chia cho anh Lê Văn T, anh Lê Văn L và anh Lê Văn Th2.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự ***đều thừa nhận đây không còn là di sản*** của ông Lê Văn M để lại và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 36, diện tích 204m2 có địa chỉ tại thôn T, xã V đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, Thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 692460 ngày 31/8/2005 mang tên Ngô Thị B là phần tài sản do vợ chồng bà B, ông M mua được từ năm 1986. Trên đất có căn nhà 01 tầng, 01 tum, có diện tích là 48m2 là tài sản chung của bà B và ông M, các con chung của bà B với ông M cũng như con riêng của ông M không ai có công đóng góp.

Các tài sản khác có trên đất là tài sản riêng của vợ chồng anh Lê Văn N xây dựng năm 2019, ***không phải là di sản thừa kế***.

Ngoài 02 khối tài sản trên thì ông M và bà B không còn tài sản chung nào khác.

[3.3] Về tài sản riêng của ông M: Ông M và bà T có khối tài sản chung là Phần đất tổ tiên để lại khoảng hơn 500m2 đất ở và khoảng 300m2 đất vườn liền kề,

tổng cộng khoảng hơn 800m2 có địa chỉ tại thôn La B, xã K, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Sau khi ông M chết thì toàn thể các thừa kế của ông M đã thống nhất phân chia di sản thừa kế của ông M và bà T để lại đối với phần di sản này, theo đó thì anh Lê Văn Th1 là con trưởng được hưởng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên phần diện tích 800m2 này. Năm 2019 anh Lê Văn Th1 đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hơn 800m2 đất nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự ***đều thừa nhận đây không còn là di sản*** của ông Lê Văn M để lại và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] Theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình thì phần tài sản là di sản của ông Lê Văn M để lại trong khối tài sản chung của ông M và bà B là giá trị quyền sử dụng 204m2 x1/2 = 102m2 đất ở và 1/2 giá trị tài sản gắn gắn liền với đất tại thửa đất số 50 tờ bản đồ số 36, diện tích 204m2 có địa chỉ tại thôn T, xã V đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 692460 ngày 31/8/2005 mang tên Ngô Thị Be.

Như vậy xác định di sản của ông Lê Văn M để lại là quyền sử dụng 102m2 đất ở và giá trị 1/2 căn nhà 01 tầng, 01 tum gắn liền với đất tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 36, có địa chỉ tại thôn T, xã V đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 692460 ngày 31/8/2005 mang tên Ngô Thị B.

Ngoài ra ông Lê Văn M không còn để lại di sản nào khác.

Một mình bà Ngô Thị B cùng anh Lê Văn N sinh sống trên thừa đất này từ sau khi tất cả các anh chị em khác lập gia đình riêng. Ông Lê Văn M cùng sống với gia đình anh Lê Văn N từ khi anh N lập gia đình (năm 2004) cho đến khi ông M chết, như vậy cần trích cho bà B và anh N mỗi người một kỷ phần thừa kế để bù đắp công sức trông nom, dùy trì, bảo quản di sản và công chăm sóc ông Lê Văn M khi còn sống là phù hợp.

Như vậy di sản của ông Mùi để lại được chia làm 9 kỷ phần, trong đó bà B và anh N mỗi người được hưởng 02 kỷ phần; Các thừa kế khác mỗi người được hưởng 01 kỷ phần.

[3.5] Đối với yêu cầu của anh Lê Văn Th1 về việc được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất:

Xét thấy trường hợp chia di sản thừa kế bằng hiện vật thì mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là: 102m2 x 1/9 = 11,33 m2, phần diện tích này quá nhỏ không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của luật đất đai nên yêu cầu chia bằng hiện vật của anh Lê Văn Th1 không được chấp nhận.

[4] ***Xác định di sản của ông M để lại được tính bằng tiền VNĐ như sau***:

Theo kết quả định giá ngày 01/12/2020 thì giá trị quyền sử dụng đất là 3.698.100.000 đồng, Căn nhà 01 tầng, 01 tum có giá trị là 105.852.000 đồng. Tổng cộng là ***3.803.952.000*** đồng. Trong đó:

- Giá trị phần tài sản của bà B trong khối tài sản chung là 3.803.952.000 đồng x 1/2 = ***1.901.976.000*** đồng.

- Giá trị phần di sản của ông Lê Văn M để lại trong khối tài sản chung là: 3.803.952.000 đồng x 1/2 = ***1.901.976.000*** đồng.

Trong đó kỷ phần của mỗi người thừa kế được hưởng bằng tiền là: 1.901.976.000 đồng x 1/9 = ***211.331.000*** đồng.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, thì bà Ngô Thị B đã tự nguyện tặng cho anh Lê Văn N toàn bội tài sản của mình trong khối tài sản chung với ông Lê Văn M cũng như kỷ phần được hưởng di sản thừa kế của ông Lê Văn M để lại; Anh Lê Văn Th2, chị Lê Thị M, anh Lê Văn T, anh Lê Văn L cùng tự nguyện tặng cho anh Lê Văn N kỷ phần di sản thừa kế của mình được hưởng. Anh Lê Văn N cũng đồng ý nhận toàn bộ tài sản mà mình được tặng cho.

Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, thỏa thuận này không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên được chấp nhận.

Do vậy anh Lê Văn N được toàn quyền sử dụng 204m2 đất ở và được quyền sử hữu toàn bộ các tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số 50 tờ bản đồ số 36, có địa chỉ tại thôn T, xã V đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 692460 ngày 31/8/2005 mang tên Ngô Thị B.

Anh Lê Văn N có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

Anh Lê Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho anh Lê Văn Th1 kỷ phần được hưởng thừa kế bằng tiền là ***211.331.000*** đồng.

[6] ***Về án phí dân sự sơ thẩm***:

- Anh Lê Văn N được hưởng giá trị tài sản thừa kế và tài sản được tặng cho là 3.803.952.000 đồng - 211.331.000 đồng = 3.592.621.000 đồng, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 72.000.000 đồng x 2% (4.000.000.000 - 3.592.621.000 đồng) = ***80.148.000*** đồng, theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí, Lệ phí Tòa án.

- Anh Lê Văn Th1 được hưởng giá trị tài sản là 211.331.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 211.331.000 x 5% = ***10.567.000*** đồng, theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí, Lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ Luật Dân sự.

- Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí, Lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B.

2. Xác nhận tài sản riêng của bà Ngô Thị B trong khối tài sản chung với ông Lê Văn M là 102m2 đất và 1/2 giá trị tài sản gắn gắn liền với đất tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 36, diện tích 204m2 có địa chỉ tại thôn T, xã V đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 692460 ngày 31/8/2005 mang tên Ngô Thị B.

3. Xác nhận di sản của ông Lê Văn M để lại trong khối tài sản chung với bà Ngô Thị B là 102m2 đất và 1/2 giá trị tài sản gắn gắn liền với đất tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 36, diện tích 204m2 có địa chỉ tại thôn T, xã V đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 692460 ngày 31/8/2005 mang tên Ngô Thị B.

4. Xác nhận di sản của ông Lê Văn M để lại được tính bằng tiền VNĐ có tổng giá trị là ***1.901.976.000*** (một tỷ, chín trăm linh một triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

Trong đó mỗi kỷ phần thừa kế là ***211.331.000*** (hai trăm mười một triệu, ba trăm ba mươi mốt nghìn) đồng.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Văn Th2, chị Lê Thị M, anh Lê Văn T, anh Lê Văn L về việc cùng tặng cho anh Lê Văn N, kỷ phần được hưởng di sản thừa kế của ông Lê Văn M để lại.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thị B về việc tặng cho anh Lê Văn N toàn bộ tài sản của mình trong khối tài sản chung với ông Lê Văn Mùi cũng như kỷ phần được hưởng di sản thừa kế của ông Lê Văn M để lại.

7. Anh Lê Văn N được toàn quyền sử dụng 204m2 đất và được quyền sử hữu toàn bộ các tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số 50 tờ bản đồ số 36, có địa chỉ tại thôn T, xã V đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 692460 ngày 31/8/2005 mang tên Ngô Thị B.

Anh Lê Văn N có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

8. Anh Lê Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho anh Lê Văn Th1 kỷ phần được hưởng thừa kế bằng tiền là ***211.331.000*** (hai trăm mười một triệu, ba trăm ba mươi mốt nghìn) đồng.

9. ***Về án phí***:

- Anh Lê Văn N phải chịu ***80.148.000*** đồng (tám mươi triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn) đồng án phí sơ thẩm.
- Anh Lê Văn Th1 phải chịu ***10.567.000*** (mười triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng, án phí sơ thẩm.

5. ***Về quyền kháng cáo***:

Bà Ngô Thị B, anh Lê Văn N, anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Văn Th2, chị Lê Thị M, anh Lê Văn L và anh Lê Văn Th1 có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND Đông Anh;*
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *THADS huyện Đông Anh;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phi Hùng